

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LỘC
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HS-ST
Ngày 27 - 6 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thu Trang

Bà Tôn Bích Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Phương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lộc Thị Mận - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2023/TLST-HS, ngày 17 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-HS, ngày 30 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2023/HSST-QĐ, ngày 08/6/2023 và Thông báo số 1002/2023/TA-HS về việc chuyển thời gian xét xử đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Đ (tên gọi khác: Không); sinh ngày 28/7/1984 tại huyện T, tỉnh Hải Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu L, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi ở hiện nay: Khu G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hồng G và bà Vũ Thị K; bị cáo chưa có chồng, có 02 con (lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2011); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/12/2022 tại nhà tạm giữ Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đến ngày 18/01/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh đến nay. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hoàng Văn T, Luật sư của Công ty Luật TNHH H thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: Số 246, Chợ Đ, thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Có mặt.

- Bị hại: Chị Nông Thị T, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980. Có mặt.
2. Anh Phan Văn B, sinh năm 1981. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T và Nông Thị T trước đây là vợ chồng nhưng đã ly hôn từ năm 2021, có hai con chung là Nguyễn Thành L và Nguyễn Trà M. Sau khi ly hôn hai con ở cùng với Nguyễn Văn T. Nguyễn Văn T có mối quan hệ tình cảm với Nguyễn Thị Đ (sinh năm 1984; trú tại: Khu G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn).

Ngày 10/9/2022, Nông Thị T đón hai con về với T. Khoảng 07 giờ 15 phút, ngày 12/9/2022, Nông Thị T thuê xe ô tô của anh Phan Văn B đưa T và hai con đến Trường tiểu học thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn để đi học. Khoảng 07 giờ 35 phút cùng ngày thì đến cổng trường. Lúc này Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Đ đang ở cổng trường để chờ đón hai con của T đi học. Thấy T tới, T đi tới bế con trai là Nguyễn Thành L đang ngồi ghế sau để đưa vào lớp học, T vẫn đang ngồi bế con gái là Nguyễn Trà M ở ghế phụ phía trước, kính xe ô tô bên ghế lái đã hạ xuống từ trước. Do có mâu thuẫn về quan hệ tình cảm nên khi T và Đ nhìn thấy nhau đã lờ qua, tiếng lại. Nguyễn Thị Đ đi từ bên kia đường sang để đón cháu Nguyễn Trà M là con gái của T thì T mở cửa xe ô tô ra. Nguyễn Thị Đ đứng ngoài dùng hai tay đẩy mạnh cửa xe ô tô không cho T ra. T tiếp tục mở cửa ra rồi nhô người lên, quay mặt ra ngoài dùng hai tay đánh về phía Đ. Đ dùng hai tay đánh lại và đẩy T vào trong xe ô tô. Bị Đ đánh nên T cúi xuống dùng tay trái cầm lấy chiếc dép cao gót ở dưới sàn xe ô tô lên để đánh lại Đ nhưng Đ đỡ được và dùng tay trái giật lấy chiếc dép cao gót của T, rồi chuyển sang tay phải cầm phần gót dép đập 01 (một) phát ngang từ phải qua trái trúng vào vùng trán trái của T. T thấy Đ cầm dép cao gót định tiếp tục đánh nên T cầm điện thoại Iphone 7 Plus, màu hồng ném 01 (một) phát trúng vào tay trái của Đ, Đ vứt chiếc dép cao gót xuống đất, T thấy vậy vào can ngăn thì T và Đ không đánh nhau nữa. Sau đó Đ đi về nhà, còn T đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn để điều trị. Vật chứng thu giữ: 01 (một) chiếc dép cao gót màu trắng (dép bên trái), đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu hồng, Model A1661 FCC; ID: BCG-E3087A; IC: 579C-E3087A; 01 (một) File video tên “VIDEO_DOWNLOAD_1662949825768” có dung lượng 31,7MB được lưu trữ trong 01 (một) thẻ nhớ và được niêm phong trong phong bì thư của Công an huyện Cao Lộc, có chữ ký của thành phần tham gia và có đóng dấu của Công an thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc ở các phần giáp lai. Đây là video ghi lại nội dung sự việc đánh nhau giữa Nguyễn Thị Đ và Nông Thị T.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 254/2022/PYTT ngày 03/11/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Lạng Sơn kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại của Nông Thị T: Sẹo vết thương vùng trán là 03%; chấn động não điều trị ổn định là 01%; vỡ xương sọ vùng trần ổ mắt là 05%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại là 09% (chín phần trăm).

Ngày 15/02/2023, Nguyễn Thị Đ có đơn đề nghị giám định lại thương tích đối với Nông Thị T. Ngày 27/02/2023, chị Nông Thị T cũng có đơn đề nghị khám và giám định lại đối với T.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 1586/KL-KTHS ngày 17/3/2023 của Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại của Nông Thị T như sau: Xương sọ không có tổn thương; không có chấn động não; sẹo vùng trán kích thước 1,2x0,1cm tại thời điểm giám định là 03% (ba phần trăm).

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 63/KL-HĐĐGTS ngày 01/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn kết luận: 01 (một) màn hình điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu hồng, Model A1661 FCC; ID: BCG-E3087A; IC: 579C-E3087A có giá trị là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 37/CT-VKS ngày 15/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Nguyễn Thị Đ về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Bị cáo khai: Giữa bị cáo và bị hại có mâu thuẫn về tình cảm từ trước nên khi gặp nhau bị hại có lời nói xúc phạm bị cáo trước nên bị cáo bức tức, không kiềm chế được bản thân đã có hành vi dùng gót của chiếc dép cao gót đánh vào trán bị hại Nông Thị T, gây thương tích 3%. Bị cáo thừa nhận vết thương trên trán bị hại là do bị cáo gây ra, bị cáo không có ý kiến gì thắc mắc.

Bị hại Nông Thị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, tại cơ quan điều tra khai: Khoảng 7 giờ 35 phút ngày 12/9/2022, khi T đưa con đến cổng trường học thì thấy Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Đ đứng ở quán nước bên đường. Khi nhìn thấy T, Nguyễn Thị Đ chửi T. Khi T mở cửa xe ra thì Đ chạy từ bên kia đường sang dùng tay đẩy mạnh cửa xe ô tô vào, chị T lại đẩy ra. Đ dùng tay không đánh chị T (lúc đó chị T vẫn ngồi trong xe ô tô). Vì bị Đ đánh, chị T dùng tay trái lấy chiếc dép cao gót để dưới sàn xe để đánh Đ nhưng Đ đỡ được và giật luôn chiếc dép. Đ dùng chiếc dép đánh 1 phát vào trán chị T, 02 phát vào tay. Sau đó được can ngăn nên Đ dừng lại, chị T được đưa đi Bệnh viện đa khoa điều trị. Do chị T có công việc đi nước ngoài nên đã có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị; xét xử về hình sự đối với bị cáo và yêu cầu bồi thường thiệt hại cho chị T đúng quy định của pháp luật. Sau khi Tòa án xét xử xong, chị T sẽ công nhận bản án và không có ý kiến thắc mắc về vấn đề hình sự, dân sự; chiếc dép thì đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Tại phiên tòa người làm chứng anh Nguyễn Văn T khai: Anh không được chứng kiến việc T và Đ chửi nhau, đánh nhau bằng tay không và tranh nhau giày cao gót của T. Chỉ nhìn thấy T bị chảy máu ở trán, còn Đ đánh T như thế nào anh T không nhìn thấy. Khi được anh T can ngăn, Đ không đánh nữa, T được đưa đi bệnh viện băng bó vết thương.

Người làm chứng anh Phan Văn B vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại cơ quan điều tra khai: Anh B nghe thấy T chửi Đ trước, sau đó Đ chửi lại T, nội dung cụ thể anh B

không rõ. T đẩy cách cửa xe bên lái phụ ra, Đ đẩy cửa xe vào, T lại dùng tay đẩy cửa xe ô tô ra. Sau đó T và Đ dùng hai tay giằng co nhau và đẩy nhau, lúc này Đ đứng ở ngoài, T ngồi ở ghế phụ nhào người ra ngoài xe. T và Đ giằng co giày cao gót khi T quay vào thì anh B thấy bị chảy máu ở trên trán. Sau đó mọi người giải tán ra về. Anh B xác định vết thương của T là do Đ gây ra.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s, khoản 1, Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thách từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi tư) tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại các khoản sau:

- Tiền viện phí, chi phí khám chữa bệnh, điều trị nội trú: 625.000 đồng + 1.500.000 đồng + 1.324.671 đồng = 3.449.671 đồng (ba triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm bảy mươi một đồng).

- Tiền mất thu nhập: 06 ngày x (35.000.000 : 12 tháng: 30 ngày = 97.000đ/ngày) = 582.000 đồng (năm trăm tám mươi hai nghìn đồng);

- Tiền bồi dưỡng sức khỏe: 97.000 đồng x 10 ngày = 970.000 đồng;

- Tiền tổn thất tinh thần: 03 tháng lương tối thiểu x 1.490.000 đồng/tháng = 4.470.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 9.471.000 đồng. Tuy nhiên, trước khi mở phiên tòa, bị cáo đã tự nguyện nộp 9.500.000 đồng vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc để bồi thường cho bị hại Nông Thị T nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo.

Về tang vật: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc dép cao gót màu trắng, bên trái.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, bị cáo Nguyễn Thị Đ không có ý kiến tranh luận.

Luật sư Hoàng Văn T bào chữa cho bị cáo: Đơn trình báo của bị hại Nông Thị T không đề ngày tháng được Công an tiếp nhận ngày 24/10/2022; Kết luận giám định thương tích lần đầu không đúng nhưng Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không phát hiện ra cho đến khi bị cáo có đơn đề nghị giám định lại, kết luận giám định lần 2 tỷ lệ thương tích là 03%, như vậy là gây bất lợi cho bị cáo. Bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có chỗ ở rõ ràng, nhân thân tốt nên việc Công an huyện Cao Lộc bắt tạm giam đối với bị cáo là trái quy định của pháp luật. Người bào chữa đồng tình với luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ là bị cáo là lao động chính trong gia đình, một mình nuôi con nhỏ; bị hại có một phần lỗi (khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015). Đề nghị

Hội đồng xét xử xử mức hình phạt thấp hơn đại diện Viện kiểm sát đề nghị là 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận: Đối với đơn bị hại không có ngày tháng năm do sơ suất không ảnh hưởng đến bản chất của vụ án. Luật sư cho rằng Viện kiểm sát và Công an huyện Cao Lộc không phát hiện sai sót trong kết luận thương tích lần 1, sau khi phát hiện Viện kiểm sát đã đề nghị Cơ quan điều tra Công an huyện Cao Lộc trưng cầu giám định lại thương tích. Bị cáo và bị hại đều nhất trí với kết luận giám định lần 2 là 03%. Việc tạm giam đối với bị cáo: Căn cứ điểm b Điều 119 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xác định bị cáo không có nhà cửa ổn định nên cần thiết phải tạm giam là đúng theo quy định. Luật sư đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm cho bị cáo.

Bị cáo nhất trí với lời bào chữa của Luật sư Hoàng Văn T và không có ý kiến khác.

Khi nói lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được cải tạo tại địa phương vì bị cáo một mình nuôi con nhỏ, hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo cũng không khiếu nại về quá trình tiến hành tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại chị Nông Thị T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; những người làm chứng anh Phan Văn B được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Xét thấy lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường; phù hợp với bản kết luận giám định pháp y số 1586/KL-KTHS, ngày 17/3/2023 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ cơ sở khẳng định bị cáo Nguyễn Thị Đ có hành vi dùng gót của chiếc dép cao gót là hung khí nguy hiểm đánh 01 phát vào trán của bị hại Nông Thị T gây thương tích 03%. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Nguyễn Thị Đ về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cố ý gây thương

tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng do mâu thuẫn, không kiểm chế được bản thân bị cáo đã phạm tội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 05 tình tiết giảm nhẹ đó là bị cáo tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả (điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự); phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự); bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự); bị hại chửi và đánh bị cáo trước nên bị hại có một phần lỗi (khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự); bị cáo là lao động chính trong gia đình, một mình nuôi con đang tuổi ăn học, có xác nhận của chính quyền địa phương (khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự).

[7] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên xác định bị cáo là người có nhân thân tốt.

[8] Xét thấy bị cáo có hành vi gây thương tích cho bị hại Nông Thị T với tỷ lệ 03%. Bị cáo là người có nhân thân tốt; có 05 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Hoàn cảnh gia đình bị cáo 01 mình nuôi con; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy cho bị cáo cải tạo tại địa phương không ảnh hưởng đến công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm.

[9] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Theo quy định của Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì người bị thiệt hại về sức khỏe được bồi thường các khoản sau:

"1. Thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm bao gồm:

a) Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại;

b) Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại; nếu thu nhập thực tế của người bị thiệt hại không ổn định và không thể xác định được thì áp dụng mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại;

c) Chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị; nếu người bị thiệt hại mất khả năng lao động và cần phải có người thường xuyên chăm sóc thì thiệt hại bao gồm cả chi phí hợp lý cho việc chăm sóc người bị thiệt hại;

d) Thiệt hại khác do luật quy định.

2. Người chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp sức khỏe của người khác bị xâm phạm phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều này và một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần mà người đó gánh chịu. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có sức khỏe bị xâm phạm không quá năm mươi lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định".

Trong quá trình điều tra, truy tố, giữa bị cáo và bị hại không thỏa thuận được với nhau về vấn đề bồi thường, nên buộc bị cáo phải bồi thường các khoản như sau:

- Tiền viện phí, chi phí khám chữa bệnh, điều trị nội trú: 625.000 đồng + 1.500.000 đồng + 1.324.671 đồng = 3.449.671 đồng (ba triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm bảy mươi một đồng).

- Tiền mất thu nhập: 06 ngày x (35.000.000 : 12 tháng : 30 ngày = 97.000đ/ngày) = 582.000 đồng (năm trăm tám mươi hai nghìn đồng);

- Tiền bồi dưỡng sức khỏe: 97.000 đồng x 10 ngày = 970.000 đồng;

- Tiền tổn thất tinh thần: 03 tháng lương tối thiểu x 1.490.000 đồng/tháng = 4.470.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 9.471.000 đồng. Do bị hại có một phần lỗi nên bị hại phải tự chịu một phần. Tuy nhiên, trước phiên tòa bị cáo đã tự nguyện nộp vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn số tiền 9.500.000 đồng (chín triệu năm trăm nghìn đồng) để bồi thường cho bị hại Nông Thị T. Việc bồi thường của bị cáo là tự nguyện, phù hợp với mức Hội đồng xét xử tính toán nên ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: 01 (một) chiếc dép cao gót của bị hại Nông Thị T nhưng là vật chứng của vụ án; chị T đề nghị tiêu hủy nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu tiêu hủy. 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu hồng, Model A1661 FCC; ID: BCG-E3087A; IC: 579C-E3087A bị hư hỏng, Công an huyện Cao Lộc đã trả lại cho chị Nông Thị T, chị Nông Thị T cũng không yêu cầu bồi thường chiếc điện thoại bị hỏng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với 01 (một) File video tên “VIDEO_DOWNLOAD_1662949825768” có dung lượng 31,7MB được lưu trữ trong 01 (một) thẻ nhớ và được niêm phong trong phong bì thư của Công an huyện Cao Lộc, có chữ ký của thành phần tham gia và có đóng dấu của Công an thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc ở các phần giáp lai tiếp tục được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[11] Bị cáo Nguyễn Thị Đ bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo đã nộp tiền bồi thường cho bị hại trước phiên tòa nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại, có quyền kháng cáo theo Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

[12] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, bồi thường thiệt hại, vật chứng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với mức án đề nghị đối với bị có cáo có phần nghiêm khắc. Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc xem xét để quyết định mức án phù hợp với tính chất mức độ hành vi, hậu quả của bị cáo gây ra.

[13] Ý kiến của người bào chữa nội dung nào phù hợp Hội đồng xét xử chấp nhận, nội dung nào không phù hợp Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2 (02 tình tiết) Điều 51; Điều 50, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 584, 585, 590 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23; của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về bồi thường dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại của bị cáo Nguyễn Thị Đ cho bị hại Nông Thị T với tổng số tiền là 9.500.000 đồng (chín triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0001945 ngày 08/6/2023 và Biên lai thu tiền số AA/2021/0001957 ngày 27/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Xác nhận bị cáo Nguyễn Thị Đ đã thi hành xong.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc dép cao gót màu trắng (dép bên trái), đã qua sử dụng.

(Chi tiết theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 15/5/2023 giữa Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn).

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Đ phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn (01 bản);
- Đội Tổng hợp Công an huyện Cao Lộc (01 bản);
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo, bị hại (tổng đạt);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lương Thị Mỹ Hạnh